

b) Các bản sao giấy tờ, tài liệu trong hồ sơ mở, đóng tài khoản thanh toán phải là bản sao có chứng thực hoặc bản sao cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu theo quy định của pháp luật, trường hợp hồ sơ gửi trực tuyến thì thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

c) Hồ sơ được gửi qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính) hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước nơi tổ chức đề nghị mở tài khoản thanh toán hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia;

d) Tổ chức đề nghị mở, đóng tài khoản thanh toán hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp.

## 2. Hồ sơ mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước, bao gồm:

a) Đơn đề nghị mở tài khoản thanh toán kèm bản đăng ký mẫu dấu, mẫu chữ ký theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này do người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ chức mở tài khoản thanh toán ký tên, đóng dấu;

b) Các tài liệu chứng minh tổ chức mở tài khoản thanh toán được thành lập và hoạt động hợp pháp, gồm: quyết định thành lập, giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc giấy tờ có giá trị tương đương;

c) Các tài liệu chứng minh tư cách đại diện của người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ chức mở tài khoản thanh toán và thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân, căn cước điện tử hoặc chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn của người đó;

d) Văn bản hoặc quyết định bổ nhiệm và thẻ căn cước, thẻ căn cước công dân, căn cước điện tử hoặc chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn của kế toán trưởng hoặc người phụ trách kế toán, người kiểm soát chứng từ giao dịch với Ngân hàng Nhà nước của tổ chức mở tài khoản thanh toán.

## 3. Trình tự, thủ tục mở tài khoản thanh toán:

a) Khi có nhu cầu mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước, tổ chức đề nghị mở tài khoản thanh toán gửi 01 bộ hồ sơ mở tài khoản thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều này đến Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố) nơi đề nghị mở tài khoản thanh toán;

b) Khi nhận được hồ sơ mở tài khoản thanh toán, Ngân hàng Nhà nước tiến hành kiểm tra các thành phần hồ sơ và đối chiếu với các yếu tố đã kê khai tại đơn đề nghị mở tài khoản thanh toán, đảm bảo sự khớp đúng, chính xác.

Trường hợp hồ sơ mở tài khoản thanh toán chưa đầy đủ, chưa hợp lệ hoặc còn có sự sai lệch giữa các yếu tố kê khai tại đơn đề nghị mở tài khoản thanh toán với các tài liệu liên quan trong hồ sơ, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ mở tài khoản thanh toán, Ngân hàng Nhà nước thông báo cho tổ chức đề nghị mở tài khoản biết để hoàn thiện hồ sơ.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của Ngân hàng Nhà nước mà tổ chức đề nghị mở tài khoản không gửi bổ sung, hoàn thiện hồ sơ thì Ngân hàng Nhà nước sẽ có văn bản từ chối mở tài khoản thanh toán và trả lại hồ sơ cho tổ chức đề nghị mở tài khoản;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ mở tài khoản thanh toán hợp lệ của tổ chức đề nghị mở tài khoản thanh toán, Ngân hàng Nhà nước phải xử lý việc mở tài khoản thanh toán cho tổ chức. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước từ chối mở tài khoản thanh toán thì phải thông báo lý do cho tổ chức biết bằng văn bản.

#### 4. Trình tự, thủ tục đóng tài khoản thanh toán:

a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, Kho bạc Nhà nước có nhu cầu đóng tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước phải lập đơn đề nghị đóng tài khoản thanh toán và yêu cầu xử lý số dư tài khoản thanh toán (nếu có) theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này do người đại diện hợp pháp của tổ chức ký tên, đóng dấu và gửi Ngân hàng Nhà nước (nơi mở tài khoản thanh toán);

b) Khi nhận được đơn đề nghị đóng tài khoản thanh toán, Ngân hàng Nhà nước tiến hành kiểm tra, đối chiếu thông tin trên đơn đề nghị với thông tin tài khoản và xử lý số dư trên tài khoản thanh toán theo yêu cầu của chủ tài khoản (nếu có). Sau khi hoàn thành việc xử lý số dư còn lại trên tài khoản thanh toán, Ngân hàng Nhà nước thực hiện đóng tài khoản thanh toán;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đề nghị đóng tài khoản thanh toán của tổ chức mở tài khoản thanh toán, Ngân hàng Nhà nước phải xử lý việc đóng tài khoản thanh toán;

d) Trường hợp đóng tài khoản thanh toán theo quy định tại điểm c, d, đ khoản 1 Điều 12 Nghị định này, việc xử lý số dư còn lại trên tài khoản thanh toán (nếu có) sau khi đã hoàn tất các nghĩa vụ với các bên liên quan thì được thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản của chủ tài khoản trước khi có quyết định thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc theo quy định pháp luật có liên quan. Sau khi đóng tài khoản thanh toán, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Ngân hàng Nhà nước thông báo cho tổ chức mở tài khoản biết bằng văn bản.

**Mục 3**  
**MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN**  
**TẠI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI**

**Điều 15. Mở và sử dụng tài khoản thanh toán giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**

1. Việc mở tài khoản thanh toán giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phải thực hiện theo đúng quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng. Tài khoản thanh toán mở giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ phục vụ cho mục đích thanh toán, không được cho vay, thấu chi hoặc sử dụng cho các mục đích khác.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động ngoại hối được mở tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tại tổ chức tín dụng được phép khác. Việc mở, sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

**Điều 16. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng không phải là tổ chức tín dụng**

1. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hướng dẫn việc mở tài khoản thanh toán cho khách hàng phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Chủ tài khoản thanh toán chung là tổ chức, cá nhân. Mục đích sử dụng tài khoản thanh toán chung, quyền và nghĩa vụ của các chủ tài khoản thanh toán chung và các quy định liên quan đến việc sử dụng tài khoản thanh toán chung phải được xác định rõ bằng văn bản và phù hợp với quy định pháp luật về mở, sử dụng tài khoản thanh toán.

**Chương III**  
**DỊCH VỤ THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT**

**Mục 1**  
**DỊCH VỤ THANH TOÁN QUA TÀI KHOẢN THANH TOÁN**  
**CỦA KHÁCH HÀNG**

**Điều 17. Dịch vụ thanh toán qua tài khoản thanh toán của khách hàng**

1. Dịch vụ thanh toán qua tài khoản thanh toán của khách hàng, bao gồm:

a) Cung ứng phương tiện thanh toán;

b) Thực hiện dịch vụ thanh toán: séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng, chuyển tiền, thu hộ, chi hộ;

c) Các dịch vụ thanh toán khác thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản thanh toán của khách hàng:

a) Ngân hàng Nhà nước cung ứng các dịch vụ thanh toán cho các khách hàng mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước;

b) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng chính sách cung ứng tất cả các dịch vụ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Ngân hàng hợp tác xã được cung ứng một số dịch vụ thanh toán quy định tại khoản 1 Điều này sau khi được ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động do Ngân hàng Nhà nước cấp.

3. Việc cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản thanh toán của khách hàng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

## **Mục 2**

### **DỊCH VỤ THANH TOÁN KHÔNG QUA TÀI KHOẢN THANH TOÁN CỦA KHÁCH HÀNG**

**Điều 18. Dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng**

1. Dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng, bao gồm:

a) Thực hiện dịch vụ thanh toán: chuyển tiền, thu hộ, chi hộ;

b) Các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Các tổ chức được cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng:

a) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng chính sách;

b) Ngân hàng hợp tác xã được cung ứng một số dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng sau khi được ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động do Ngân hàng Nhà nước cấp;

c) Quỹ tín dụng nhân dân được cung ứng dịch vụ chuyển tiền, thực hiện nghiệp vụ thu hộ, chi hộ cho thành viên, khách hàng của quỹ tín dụng nhân dân đó sau khi được ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động do Ngân hàng Nhà nước cấp;

d) Tổ chức tài chính vi mô được cung ứng dịch vụ chuyên tiền, thu hộ, chi hộ cho khách hàng của tổ chức tài chính vi mô sau khi được ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động do Ngân hàng Nhà nước cấp;

đ) Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được cung ứng dịch vụ chuyên tiền, thu hộ, chi hộ sau khi đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 19 Nghị định này và được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản.

3. Việc cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

**Điều 19. Điều kiện cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích**

Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng khi đáp ứng đầy đủ và phải đảm bảo duy trì đủ các điều kiện sau đây trong quá trình cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng:

1. Có hệ thống thông tin phục vụ cho hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng đáp ứng yêu cầu đảm bảo an toàn hệ thống thông tin cấp độ 3 theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện về nhân sự: Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Người phụ trách cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích phải có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, công nghệ thông tin.

Các cán bộ chủ chốt thực hiện cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng (gồm Trưởng phòng (ban) hoặc tương đương và các cán bộ kỹ thuật) có bằng cao đẳng trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, công nghệ thông tin hoặc lĩnh vực chuyên môn đảm nhiệm.

3. Có quy trình nghiệp vụ kỹ thuật đối với từng loại dịch vụ; có biện pháp đảm bảo khả năng thanh toán, duy trì số dư tài khoản thanh toán của đơn vị mình tại ngân hàng và tiền mặt lớn hơn số tiền phải trả cho khách hàng tại thời điểm chi trả; quy trình kiểm tra, kiểm soát nội bộ; cơ chế quản lý rủi ro; các nguyên tắc chung và quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; quy trình và thủ tục giải quyết yêu cầu tra soát, khiếu nại, tranh chấp; quy định quyền và trách nhiệm của các bên có liên quan.

4. Có phương án thu gom, vận chuyển tiền mặt đảm bảo cuối ngày nộp vào tài khoản thanh toán mở tại ngân hàng, đảm bảo an ninh, an toàn đối với việc luân chuyển tiền mặt; trang bị các thiết bị đảm bảo việc giao nhận, bảo quản tiền mặt, quy định hạn mức chuyển tiền, nhận tiền, mức tồn quỹ tại các điểm cung cấp dịch vụ; đảm bảo công tác phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật.

**Điều 20. Hồ sơ, quy trình, thủ tục chấp thuận bằng văn bản, thu hồi văn bản hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích**

1. Hồ sơ đề nghị chấp thuận cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng gồm:

a) Đơn đề nghị cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Nghị quyết của Hội đồng thành viên, văn bản của người đại diện có thẩm quyền của chủ sở hữu phù hợp với thẩm quyền quy định tại Điều lệ công ty về việc thông qua Bản thuyết minh điều kiện cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng;

c) Bản thuyết minh các điều kiện cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng theo quy định tại Điều 19 Nghị định này;

d) Hồ sơ về nhân sự: Sơ yếu lý lịch, bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu các văn bằng chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của những người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Người phụ trách và các cán bộ chủ chốt thực hiện cung ứng dịch vụ này;

đ) Giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị tương đương do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, Điều lệ công ty (bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu).

2. Quy trình, thủ tục chấp thuận:

a) Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích gửi 03 bộ hồ sơ đề nghị cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng theo quy định tại khoản 1 Điều này qua đường bưu điện (dịch vụ bưu chính) hoặc nộp trực tiếp tới Bộ phận Một cửa Ngân hàng Nhà nước hoặc trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia (hồ sơ gửi trực tuyến thì thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính trên môi trường điện tử). Doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đề nghị phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các thông tin cung cấp.

Căn cứ vào hồ sơ đề nghị, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định hồ sơ trên cơ sở các điều kiện quy định tại Điều 19 Nghị định này;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích đề nghị xác nhận đã nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ hoặc không đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ đề nghị không đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi doanh nghiệp này yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định.

c) Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ thành phần hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định hồ sơ. Nếu quá 60 ngày kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nhưng doanh nghiệp đề nghị không gửi bổ sung hồ sơ hoặc sau 02 lần gửi mà hồ sơ vẫn không đáp ứng điều kiện thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản từ chối chấp thuận và trả lại hồ sơ cho doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích.

Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ bổ sung, hoàn thiện của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích, Ngân hàng Nhà nước tiến hành thẩm định, chấp thuận bằng văn bản theo quy định. Trường hợp không chấp thuận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời doanh nghiệp, trong đó nêu rõ lý do.

3. Thời hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận là 10 năm tính từ ngày ký văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp gia hạn hiệu lực của văn bản chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng, trong thời hạn tối thiểu 60 ngày trước khi văn bản chấp thuận hết thời hạn, doanh nghiệp đề nghị gửi 03 bộ hồ sơ đề nghị chấp thuận gia hạn văn bản gồm: đơn đề nghị cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định này; báo cáo tình hình thực hiện hoạt động theo văn bản chấp thuận kể từ ngày được chấp thuận đến ngày nộp đơn đề nghị và bản sao văn bản chấp thuận đang có hiệu lực tới Ngân hàng Nhà nước.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị gia hạn văn bản chấp thuận của doanh nghiệp, Ngân hàng Nhà nước sẽ xem xét và gia hạn văn bản hoặc có văn bản thông báo từ chối trong đó nêu rõ lý do.

Thời hạn gia hạn văn bản chấp thuận là 10 năm tính từ ngày doanh nghiệp được Ngân hàng Nhà nước gia hạn văn bản.

4. Thu hồi văn bản chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng trong các trường hợp sau:

a) Doanh nghiệp được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng bị giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật;

b) Doanh nghiệp được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng có đơn đề nghị thu hồi văn bản chấp thuận do chấm dứt hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Khi có bản án, quyết định thi hành án, quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan thi hành án hình sự có nội dung yêu cầu thu hồi văn bản chấp thuận của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích hoặc có văn bản yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan thi hành án hình sự đề nghị thu hồi văn bản chấp thuận của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích;

d) Doanh nghiệp được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng vi phạm hành vi bị cấm tại khoản 8 Điều 8 Nghị định này;

đ) Sau thời hạn 03 tháng kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản thông báo cho tổ chức vi phạm một trong các điều kiện trong quá trình cung ứng dịch vụ quy định tại Điều 19 và phải thực hiện các biện pháp khắc phục nhưng doanh nghiệp không khắc phục được;

e) Hoạt động không đúng nội dung chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước về cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng;

g) Trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng phát hiện trong thời hạn 06 tháng liên tục, doanh nghiệp không thực hiện hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng.

5. Quy trình, thủ tục xem xét thu hồi hoặc thu hồi văn bản chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích:

a) Trường hợp doanh nghiệp bị giải thể hoặc phá sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, doanh nghiệp có văn bản thông báo với Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua Quyết định giải thể doanh nghiệp theo quy định tại Luật Doanh nghiệp hoặc ngày nhận được Quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án nhân dân theo quy định của

pháp luật về phá sản. Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo của doanh nghiệp, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định thu hồi văn bản chấp thuận.

Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận được đơn đề nghị thu hồi văn bản chấp thuận hoạt động cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng quy định tại điểm b khoản 4 Điều này, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định thu hồi văn bản chấp thuận.

Sau 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh một trong các trường hợp quy định tại điểm c, điểm d, điểm đ khoản 4 Điều này, Ngân hàng Nhà nước ra quyết định thu hồi văn bản chấp thuận;

b) Khi doanh nghiệp có dấu hiệu vi phạm một trong các trường hợp nêu tại điểm e, điểm g khoản 4 Điều này, Ngân hàng Nhà nước ra thông báo và đề nghị doanh nghiệp giải trình.

Sau 15 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước ra thông báo nhưng doanh nghiệp được chấp thuận không có văn bản giải trình hoặc nội dung giải trình không xác đáng, Ngân hàng Nhà nước xem xét ra quyết định thu hồi văn bản chấp thuận.

6. Ngay khi nhận được Quyết định của Ngân hàng Nhà nước về việc thu hồi văn bản chấp thuận, doanh nghiệp bị thu hồi văn bản chấp thuận phải lập tức ngừng cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng.

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có quyết định của Ngân hàng Nhà nước về việc thu hồi văn bản chấp thuận, doanh nghiệp phải gửi thông báo bằng văn bản tới các tổ chức và cá nhân liên quan để thanh lý hợp đồng và hoàn tất các nghĩa vụ, trách nhiệm giữa các bên theo quy định pháp luật.

Khi doanh nghiệp đã hoàn tất các nghĩa vụ, trách nhiệm giữa các bên theo quy định của pháp luật, sau thời hạn 03 năm kể từ ngày doanh nghiệp bị thu hồi văn bản chấp thuận trong trường hợp quy định tại khoản 4 (trừ điểm a khoản 4) Điều này, doanh nghiệp được đề nghị cung ứng dịch vụ thanh toán không qua tài khoản thanh toán của khách hàng theo quy định tại Điều 19 Nghị định này. Quy trình, thủ tục, hồ sơ thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

### Mục 3

## THAM GIA HỆ THỐNG THANH TOÁN QUỐC TẾ

**Điều 21. Điều kiện tham gia hệ thống thanh toán quốc tế của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài**

1. Đã được phép thực hiện hoạt động ngoại hối cơ bản trên thị trường trong nước và quốc tế.

2. Có chính sách và quy trình quản lý rủi ro về rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đáp ứng yêu cầu của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt khi tham gia hệ thống thanh toán quốc tế.

3. Có hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu về quản trị điều hành, an toàn, bảo mật theo quy định pháp luật của Việt Nam; có quy định nội bộ về tiêu chuẩn lựa chọn kết nối các hệ thống thanh toán quốc tế.

4. Tổ chức vận hành hệ thống thanh toán quốc tế được thành lập và hoạt động hợp pháp ở nước ngoài.

#### **Chương IV**

### **DỊCH VỤ TRUNG GIAN THANH TOÁN**

#### **Điều 22. Các dịch vụ trung gian thanh toán và điều kiện cung ứng dịch vụ**

1. Dịch vụ trung gian thanh toán bao gồm: dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế, dịch vụ bù trừ điện tử, dịch vụ ví điện tử, dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ và dịch vụ công thanh toán điện tử. Hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Điều kiện cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán:

Tổ chức không phải là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán khi đáp ứng đầy đủ và phải đảm bảo duy trì đủ các điều kiện sau đây trong quá trình cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, cụ thể như sau:

a) Có giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp và không đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể, phá sản theo quyết định đã được ban hành trong quá trình đề nghị cấp Giấy phép hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán; trường hợp cung ứng dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ bù trừ điện tử, tổ chức phải đảm bảo không kinh doanh ngành nghề khác ngoài hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán;

b) Có vốn điều lệ thực góp hoặc được cấp tối thiểu: 50 tỷ đồng đối với dịch vụ ví điện tử, dịch vụ hỗ trợ thu hộ, chi hộ và dịch vụ công thanh toán điện tử; 300 tỷ đồng đối với dịch vụ chuyển mạch tài chính, dịch vụ chuyển mạch tài chính quốc tế, dịch vụ bù trừ điện tử; chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn đã góp hoặc vốn được cấp;